

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Thời gian: 05/06/2019

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	HS trường	Điểm UT	Thông tin ĐKDT chuyên				NV CL1	NV CL2	Điểm thi			
								ST	Ch.9	TB.9	L.ch			Văn	T. Anh	Toán	Chuyên
1	310001	1	NGUYỄN BÌNH AN	Nam	12/03/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,00	3,75	3,75	
2	310002	1	ĐỖ HOÀNG ANH	Nữ	15/05/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,50	2,25	4,00	
3	310003	1	LƯU GIA BẢO	Nam	17/11/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,75	6,00	5,75	
4	310004	1	HUỖNH HOÀI BẢO	Nam	10/11/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,50	3,50	2,00	
5	310005	1	ĐẶNG QUỐC BẢO	Nam	08/03/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,00	2,75	1,25	
6	310006	1	LÊ XUÂN BẢO	Nam	30/09/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,00	5,50	4,50	
7	310007	1	NGUYỄN TUYẾT BẮN	Nữ	20/07/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,50	5,50	4,00	
8	310008	1	PHẠM CÔNG BẰNG	Nam	24/01/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,50	3,00	1,25	
9	310009	1	DƯƠNG MINH BÌNH	Nữ	29/12/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,50	6,75	3,50	
10	310010	1	LÊ NHƯ BÌNH	Nữ	03/10/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	6,00	6,75	2,00	
11	310011	1	NGUYỄN QUỐC BÌNH	Nam	11/06/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,50	3,25	5,50	
12	310012	1	LA BẢO CHIẾN	Nam	26/02/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,00	6,00	5,25	
13	310013	1	VÕ MINH CHIẾN	Nam	18/11/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,00	6,75	3,25	
14	310014	1	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÍNH	Nữ	28/02/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	1,75	4,50	3,75	
15	310015	1	TRẦN MỸ CÚC	Nữ	30/07/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,75	7,25	2,25	
16	310016	1	TRẦN DIỆP	Nữ	15/03/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,50	5,75	3,00	
17	310017	1	LÊ THANH DIỆU	Nữ	22/08/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,00	2,00	2,25	
18	310018	1	NGUYỄN THỊ THÚY DIỄM	Nữ	04/03/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,50	8,75	6,50	
19	310019	1	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄM	Nữ	11/03/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,25	3,25	0,50	
20	310020	1	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	Nữ	25/07/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,00	5,25	4,50	
21	310021	1	HỒ ĐỨC DUY	Nam	27/05/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,50	4,50	3,75	
22	310022	1	LÊ NGUYỄN DUY	Nam	01/02/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,50	5,25	6,75	
23	310023	1	BÙI NHẤT DUY	Nam	31/07/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,50	4,00	1,00	
24	310024	1	ĐẶNG VŨ DUY	Nam	09/08/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	6,00	4,25	6,00	
25	310025	2	NGUYỄN ĐÀO MỸ DUYỀN	Nữ	18/09/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,50	4,75	2,25	
26	310026	2	HUỖNH THỊ MAI DUYỀN	Nữ	25/03/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,00	3,75	1,75	
27	310027	2	HUỖNH THỊ MỸ DUYỀN	Nữ	20/12/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,00	5,75	4,75	
28	310028	2	NGUYỄN THỊ MỸ DUYỀN	Nữ	06/08/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,50	4,75	3,50	
29	310029	2	NGUYỄN THỊ THẢO DUYỀN	Nữ	05/01/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,50	2,25	3,00	
30	310030	2	TRẦN QUỐC DƯƠNG	Nam	03/08/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,50	3,25	4,00	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	HS trường	Điểm UT	Thông tin ĐKDT chuyển				NV CL1	NV CL2	Điểm thi			
									ST	Ch.9	TB.9	L.ch			Văn	T. Anh	Toán	Chuyên
31	310031	2	LÊ THUY	DƯƠNG	Nữ	06/02/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,75	3,75	5,25	
32	310032	2	NGUYỄN TRẦN THANH	ĐÀN	Nữ	30/03/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,50	6,25	5,50	
33	310033	2	NGUYỄN LINH	ĐANG	Nữ	22/04/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,00	2,75	5,25	
34	310034	2	TRẦN TIẾN	ĐẠT	Nam	27/05/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,00	4,50	4,50	
35	310035	2	HUYỀN VINH	ĐỆ	Nam	28/07/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,50	6,00	3,75	
36	310036	2	NGUYỄN ĐÀO PHƯỚC	ĐINH	Nam	05/03/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,00	4,75	1,75	
37	310037	2	NGUYỄN TRÍ	ĐỨC	Nam	25/03/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,25	7,75	5,25	
38	310038	2	LÊ THỊ HỒNG	GẮM	Nữ	17/04/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,50	0,75	1,00	
39	310039	2	BÙI ĐOÀN CHÂU	GIANG	Nữ	27/08/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,75	8,00	5,75	
40	310040	2	TRẦN THỊ CẨM	GIANG	Nữ	14/04/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,25	3,50	4,75	
41	310041	2	NGUYỄN THỊ TRÀ	GIANG	Nữ	27/06/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,00	5,50	5,25	
42	310042	2	TRẦN THỊ TRÀ	GIANG	Nữ	10/12/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,00	7,25	4,50	
43	310043	2	VÔ NHẬT	HÀO	Nam	03/07/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,00	4,00	0,75	
44	310044	2	VÔ NGUYỄN HÂN	HÂN	Nữ	07/12/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,25	6,00	6,00	
45	310045	2	ĐẶNG NHẬT	HÂN	Nữ	06/06/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,00	5,50	3,50	
46	310046	2	SỬ THỊ THUY	HÂN	Nữ	22/08/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,75	6,50	5,75	
47	310047	2	HỒ THỊ MỸ	HÀNG	Nữ	02/05/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	1,50	5,25	3,00	
48	310048	2	VÔ THANH	HẬU	Nam	11/11/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,00	4,50	3,75	
49	310049	3	TRẦN NGỌC	HIỀN	Nam	25/03/0004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,00	3,25	3,75	
50	310050	3	TRẦN NHƯ	HIỀN	Nữ	18/05/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	6,25	9,00	5,50	
51	310051	3	PHÍ THANH	HIỀN	Nữ	06/07/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,00	6,25	2,25	
52	310052	3	HUYỀN THỊ	HIỀN	Nữ	06/02/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	6,00	9,00	5,00	
53	310053	3	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	Nữ	28/07/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	7,00	5,25	5,00	
54	310054	3	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	Nam	10/08/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,50	9,25	1,50	
55	310055	3	LƯU THỊ KIM	HIẾU	Nữ	04/04/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,00	8,75	3,75	
56	310056	3	NGUYỄN NGỌC	HIỆP	Nam	28/04/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,75	7,50	7,50	
57	310057	3	NGUYỄN TRẦN	HOÀI	Nam	06/04/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,00	6,00	1,75	
58	310058	3	DƯƠNG GIA	HOÀNG	Nam	12/01/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	6,25	6,25	6,00	
59	310059	3	LÊ HUY	HOÀNG	Nam	09/02/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,25	5,75	2,00	
60	310060	3	NGUYỄN HUY	HOÀNG	Nam	17/11/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,75	7,50	6,25	
61	310061	3	PHẠM VIỆT	HOÀNG	Nam	27/05/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,50	8,00	3,00	
62	310062	3	ĐÀM THỊ KIM	HUỆ	Nữ	21/11/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,75	9,25	5,75	
63	310063	3	TRẦN ĐỨC	HUY	Nam	17/05/2002	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	1,25	8,50	3,00	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	HS trường	Điểm UT	Thông tin ĐKDT chuyên				NV CL1	NV CL2	Điểm thi			
								ST	Ch.9	TB.9	L.ch			Văn	T. Anh	Toán	Chuyên
64	310064	3	LÊ HOÀNG HUY	Nam	10/09/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,25	7,00	3,25	
65	310065	3	TRẦN HỒNG HUY	Nam	04/10/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,25	7,50	4,50	
66	310066	3	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	14/06/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,75	6,00	3,25	
67	310067	3	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	14/06/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,00	9,25	2,00	
68	310068	3	NGUYỄN VĂN HUY	Nam	27/07/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,00	5,50	6,25	
69	310069	3	LÊ THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	01/10/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,25	9,25	4,50	
70	310070	3	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	14/02/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	6,50	8,00	7,00	
71	310071	3	LÊ HUY HÙNG	Nam	22/02/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,25	6,00	6,25	
72	310072	3	LÊ HOÀNG HUNG	Nam	02/02/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,50	4,25	4,25	
73	310073	4	NGUYỄN NHẬT HUNG	Nam	28/06/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	0,75	3,00	2,25	
74	310074	4	LÊ PHƯỚC HUNG	Nam	02/07/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	6,00	7,00	7,50	
75	310075	4	CAO THÀNH HUNG	Nam	24/03/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,25	6,75	7,50	
76	310076	4	ĐỖ THÀNH HUNG	Nam	01/01/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,50	3,00	6,00	
77	310077	4	NGUYỄN HUỲNH HƯƠNG	Nữ	25/02/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,75	5,50	3,00	
78	310078	4	ĐẶNG MAI HƯƠNG	Nữ	08/09/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,00	5,75	6,75	
79	310079	4	TRẦN CAO HỮU	Nam	01/01/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,00	4,25	4,75	
80	310080	4	LÊ NGUYỄN BẢO KHANG	Nam	23/12/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,50	5,25	6,50	
81	310081	4	VÕ THỊ TUYẾT KHANG	Nữ	24/10/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,75	3,75	5,00	
82	310082	4	TRƯỜNG VĂN KHANG	Nam	09/06/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,50	3,50	5,00	
83	310083	4	HỒ CÔNG KHANH	Nam	22/09/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,00	3,00	2,75	
84	310084	4	BÙI HỮU KHẢI	Nam	19/12/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,50	3,50	5,25	
85	310085	4	TRẦN QUANG KHẢI	Nam	01/05/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,00	1,75	1,00	
86	310086	4	TRẦN DƯƠNG KHOA	Nam	11/10/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,00	4,25	7,50	
87	310087	4	NGUYỄN HỒ ĐĂNG KHOA	Nam	16/08/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,75	6,00	4,75	
88	310088	4	TRẦN ĐÌNH KHÔI	Nam	04/06/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,75	8,25	7,50	
89	310089	4	NGUYỄN THỊ KIỀU	Nữ	01/07/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,00	3,25	2,25	
90	310090	4	LÊ THÚY KIẾT	Nữ	25/09/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,00	4,50	4,25	
91	310091	4	LÊ HỮU KIẾT	Nam	13/11/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,75	4,00	4,75	
92	310092	4	HOÀNG TUẤN KIẾT	Nam	12/06/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,00	5,00	5,75	
93	310093	4	NGUYỄN TUẤN KIẾT	Nam	01/01/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	1,25	3,50	2,50	
94	310094	4	NGUYỄN TUẤN KIẾT	Nam	09/07/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,75	3,75	5,25	
95	310095	4	TRẦN THỊ THANH LAM	Nữ	23/08/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,50	7,75	7,50	
96	310096	4	HUỲNH BẢO LÂM	Nam	25/10/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình				

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	HS trường	Điểm UT	Thông tin ĐKDT chuyên				NV CL1	NV CL2	Điểm thi			
								ST	Ch.9	TB.9	L.ch			Văn	T. Anh	Toán	Chuyên
97	310097	5	ĐẶNG THỊ LẮM	Nữ	14/12/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,50	2,00	1,75	
98	310098	5	NGUYỄN TRẦN ĐIỂM	LÊ	Nữ	09/04/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,25	6,00	3,00	
99	310099	5	TRẦN THỊ MỸ	LÊ	Nữ	17/04/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,00	6,50	5,50	
100	310100	5	LÊ HOÀNG	LIÊM	Nam	25/05/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,75	2,75	0,25	
101	310101	5	VÕ KHÁNH	LINH	Nữ	09/06/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	8,25	8,25	6,50	
102	310102	5	HUỲNH QUANG	LINH	Nam	17/01/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,00	3,50	2,25	
103	310103	5	PHẠM TẤN	LINH	Nam	15/06/2004	THCS Ân Thạnh					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,25	3,50	5,25	
104	310104	5	HUỲNH THỊ CẨM	LINH	Nữ	13/12/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	6,25	6,00	0,75	
105	310105	5	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	Nữ	18/03/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,50	2,75	4,50	
106	310106	5	HỒ THỊ NHẬT	LINH	Nữ	26/05/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,25	4,75	3,50	
107	310107	5	TRẦN THỊ THÙY	LINH	Nữ	24/11/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,25	4,25	1,50	
108	310108	5	TRẦN TRÚC	LINH	Nữ	16/07/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,75	2,75	5,00	
109	310109	5	VÕ YẾN	LINH	Nữ	19/06/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	6,00	4,75	7,50	
110	310110	5	HUỲNH CÔNG	LÍNH	Nam	20/02/2004	THCS Ân Thạnh					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,50	4,50	6,50	
111	310111	5	TRẦN THỊ BÍCH	LOAN	Nữ	30/11/2004	THCS Ân Thạnh					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,00	2,00	0,50	
112	310112	5	NGUYỄN THÀNH	LONG	Nam	07/10/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,25	2,00	0,00	
113	310113	5	LÊ TIỂU	LONG	Nam	20/12/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	1,00	4,75	0,00	
114	310114	5	NGUYỄN THÀNH	LỢI	Nam	22/03/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,25	2,75	1,00	
115	310115	5	PHAN MINH	LUẬN	Nam	06/08/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,00	4,25	0,50	
116	310116	5	TRẦN NGỌC	LUẬN	Nam	04/04/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,75	3,00	4,75	
117	310117	5	BÙI THỊ HỒNG	LUYẾN	Nữ	02/07/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,50	7,75	7,50	
118	310118	5	LÊ MINH	LƯƠNG	Nam	08/02/2004	THCS Ân Thạnh					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,50	5,50	7,00	
119	310119	5	PHÙNG KHÁNH	LY	Nữ	17/10/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,50	7,50	6,25	
120	310120	5	NGUYỄN THỊ CẨM	LY	Nữ	29/07/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,00	3,25	1,50	
121	310121	6	ĐỖ THỊ TRÚC	LY	Nữ	27/12/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,00	6,75	7,50	
122	310122	6	VÕ THỊ YẾN	LY	Nữ	15/06/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	1,75	2,50	4,75	
123	310123	6	NGUYỄN THỊ HOA	LÝ	Nữ	09/03/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,00	7,00	2,00	
124	310124	6	VÕ XUÂN	MAI	Nam	16/03/2004	THCS Ân Thạnh					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,50	5,75	6,50	
125	310125	6	NGUYỄN THỊ KIỀU	MẾN	Nữ	13/01/2004	THCS Ân Thạnh					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,00	3,00	3,00	
126	310126	6	HUỲNH THỊ KIỀU	MY	Nữ	29/11/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,00	4,50	5,00	
127	310127	6	BÙI THỊ TRÀ	MY	Nữ	10/04/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,00	5,75	1,75	
128	310128	6	HUỲNH THỊ TRÀ	MY	Nữ	10/09/2004	THCS Ân Thạnh					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,00	2,75	6,00	
129	310129	6	VÕ THỊ TRÀ	MY	Nữ	10/11/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,00	3,00	1,50	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	HS trường	Điểm UT	Thông tin ĐKDT chuyên				NV CL1	NV CL2	Điểm thi			
									ST	Ch.9	TB.9	L.ch			Văn	T. Anh	Toán	Chuyên
130	310130	6	VÕ TRÀ	MY	Nữ	03/01/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,00	5,75	4,75	
131	310131	6	HUỖNH ĐẶNG LY	NA	Nữ	03/07/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,75	3,25	4,75	
132	310132	6	TRINH HOÀNG VI	NA	Nữ	23/10/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,75	7,00	7,00	
133	310133	6	VÕ THỊ	NA	Nữ	27/06/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,50	1,50	4,25	
134	310134	6	NGUYỄN HOÀI	NAM	Nam	31/03/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,50	3,25	7,00	
135	310135	6	HUỖNH NGỌC	NAM	Nam	19/06/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	1,00	2,25	1,25	
136	310136	6	PHAN THỊ HOÀI	NAM	Nữ	05/03/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	6,75	4,25	5,00	
137	310137	6	LÊ NGUYỄN QUỲNH	NGA	Nữ	14/10/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,75	2,25	3,00	
138	310138	6	HOÀNG CẨM	NGÂN	Nữ	11/10/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,50	1,75	3,25	
139	310139	6	NGUYỄN LÊ BẢO	NGÂN	Nữ	12/01/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,00	5,75	4,75	
140	310140	6	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	Nữ	06/12/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	1,50	1,50	2,75	
141	310141	6	BÙI THỊ THANH	NGÂN	Nữ	06/07/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,00	3,00	5,25	
142	310142	6	DIỆP THỊ THANH	NGÂN	Nữ	18/12/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	1,25	1,25	3,25	
143	310143	6	PHẠM MINH	NGHĨA	Nam	05/05/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	6,00	7,75	7,50	
144	310144	6	HUỖNH TRỌNG	NGHĨA	Nam	17/12/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,75	3,00	6,50	
145	310145	7	LÊ TRỌNG	NGHĨA	Nam	12/08/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,00	3,25	1,75	
146	310146	7	BÙI BẢO	NGỌC	Nữ	17/05/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	6,50	9,00	8,50	
147	310147	7	NGUYỄN BẢO	NGỌC	Nam	12/02/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,50	3,75	2,25	
148	310148	7	DƯƠNG THỊ BÍCH	NGỌC	Nữ	15/10/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	6,75	8,00	7,00	
149	310149	7	TRẦN THỊ BÍCH	NGỌC	Nữ	01/04/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,00	2,25	2,25	
150	310150	7	HUỖNH THỊ HỒNG	NGỌC	Nữ	07/01/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	6,00	7,75	4,75	
151	310151	7	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	Nữ	06/06/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,00	2,75	2,75	
152	310152	7	NGUYỄN TRẦN THẢO	NGUYỄN	Nữ	27/05/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,25	4,75	1,00	
153	310153	7	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỄN	Nữ	19/01/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,00	5,75	4,00	
154	310154	7	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỄN	Nữ	05/07/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	6,00	7,25	7,50	
155	310155	7	CAO THỊ THANH	NHÂN	Nữ	05/11/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,50	7,00	5,25	
156	310156	7	LÊ THỊ THANH	NHÂN	Nữ	31/03/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,50	5,75	7,00	
157	310157	7	NGUYỄN THỊ THANH	NHÂN	Nữ	01/06/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,00	3,50	1,75	
158	310158	7	NGUYỄN BÍCH	NHÂN	Nữ	13/05/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,50	3,00	2,00	
159	310159	7	SỬ THỊ BÍCH	NHÂN	Nữ	03/06/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,50	3,50	1,75	
160	310160	7	HỒ THANH	NHÃ	Nam	25/06/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	7,25	7,50	8,00	
161	310161	7	NGUYỄN THỊ THANH	NHÂN	Nữ	01/01/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	6,50	6,25	5,25	
162	310162	7	LÊ MINH	NHẬT	Nam	16/05/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,00	4,25	2,25	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	HS trường	Điểm UT	Thông tin ĐKDT chuyên				NV CL1	NV CL2	Điểm thi			
									ST	Ch.9	TB.9	L.ch			Văn	T. Anh	Toán	Chuyên
163	310163	7	VÕ PHAM THÀNH	NHẬT	Nam	19/06/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,25	2,75	2,50	
164	310164	7	TRẦN NGUYỄN ÁI	NHI	Nữ	31/10/2003	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,75	5,75	1,75	
165	310165	7	TRẦN THỊ YẾN	NHI	Nữ	12/10/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,00	3,00	2,25	
166	310166	7	HOÀNG YẾN	NHI	Nữ	25/06/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,75	4,75	5,50	
167	310167	7	NGUYỄN YẾN	NHI	Nữ	28/01/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	1,50	2,75	0,75	
168	310168	7	VĂN YẾN	NHI	Nữ	19/04/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,00	2,00	2,75	
169	310169	8	ĐẶNG THỊ MỸ	NHI	Nữ	22/09/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,00	4,75	3,75	
170	310170	8	ĐÀO THỊ THÚY	NHUNG	Nữ	11/05/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,75	6,50	6,00	
171	310171	8	BÙI QUỲNH	NHƯ	Nữ	12/04/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,00	5,50	6,50	
172	310172	8	HUYỀN TRẦN Ỡ	NHƯ	Nữ	19/10/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,50	8,00	7,50	
173	310173	8	TRẦN THƯƠNG HOÀI	NIÊM	Nữ	02/09/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,50	6,00	7,00	
174	310174	8	VÕ THỊ TRINH	NỮ	Nữ	30/04/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,75	7,25	6,00	
175	310175	8	TRẦN LÊ ÁI	NY	Nữ	02/07/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,00	3,50	6,75	
176	310176	8	TRẦN NGUYỄN KIỀU	OANH	Nữ	05/12/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,75	5,00	7,00	
177	310177	8	NGUYỄN THÁI	PHÁP	Nam	28/02/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,75	2,50	2,00	
178	310178	8	NGUYỄN TẤN	PHÁT	Nam	29/06/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	1,75	3,50	4,50	
179	310179	8	NGUYỄN THANH	PHÁT	Nam	16/03/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,00	5,00	2,00	
180	310180	8	NGUYỄN DUY	PHONG	Nam	04/01/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,00	2,25	4,75	
181	310181	8	NGUYỄN QUỐC	PHONG	Nam	09/07/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	0,50	4,25	6,25	
182	310182	8	THÁI THIÊN	PHÚ	Nam	10/04/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,00	7,50	3,75	
183	310183	8	LÊ HỒNG	PHÚC	Nam	29/02/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,00	5,50	9,00	
184	310184	8	NGUYỄN QUANG	PHÚC	Nam	05/09/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,75	2,50	6,25	
185	310185	8	NGUYỄN HỮU	PHƯƠNG	Nam	06/05/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,25	4,25	3,00	
186	310186	8	HỒ THANH	PHƯƠNG	Nam	12/05/2003	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,50	4,00	3,00	
187	310187	8	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHƯƠNG	Nữ	10/01/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,75	7,25	7,00	
188	310188	8	ĐINH THỊ LINH	PHƯƠNG	Nữ	16/07/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	6,00	7,25	5,50	
189	310189	8	NGUYỄN THÀNH	PHƯỚC	Nam	02/06/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,50	3,75	1,75	
190	310190	8	VÕ XUÂN	QUANG	Nam	10/02/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,50	4,75	1,75	
191	310191	8	NGUYỄN HỮU	QUÂN	Nam	19/01/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,25	4,00	7,00	
192	310192	8	NGUYỄN MINH	QUÂN	Nam	20/07/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,75	6,75	2,25	
193	310193	9	PHẠM HỒNG	QUẾ	Nữ	03/11/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,00	6,25	4,00	
194	310194	9	TRẦN MỸ	QUYÊN	Nữ	16/01/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,50	4,75	3,00	
195	310195	9	ĐẶNG THỊ HỒNG	QUYÊN	Nữ	23/09/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,00	5,50	3,50	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	HS trưởng	Điểm UT	Thông tin ĐKDT chuyển				NV CL1	NV CL2	Điểm thi			
								ST	Ch.9	TB.9	L.ch			Văn	T. Anh	Toán	Chuyên
196	310196	9	NGUYỄN THỊ LỆ	QUYÊN	Nữ	21/07/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,00	3,75	2,25	
197	310197	9	HỒ THỊ MỸ	QUYÊN	Nữ	10/10/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	6,25	8,50	6,75	
198	310198	9	NGUYỄN TRẦN ĐIỂM	QUYÊN	Nữ	13/09/2004	THCS Ân Thạnh					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,50	4,75	2,25	
199	310199	9	ĐINH GIAO	QUỲNH	Nam	05/01/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,00	2,00	3,50	
200	310200	9	VÕ NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	Nữ	27/05/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	6,00	5,25	5,00	
201	310201	9	LÊ TRÚC	QUỲNH	Nữ	01/01/2004	THCS Ân Thạnh					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,25	6,25	6,75	
202	310202	9	NGUYỄN THỊ	RỜI	Nữ	23/01/2004	THCS Ân Thạnh					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,75	3,50	0,25	
203	310203	9	ĐẶNG NGUYỄN ĐỨC	SANG	Nam	04/11/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,25	5,50	6,25	
204	310204	9	VÕ NGỌC	SƠN	Nam	02/01/2004	THCS Ân Thạnh					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,75	1,25	0,25	
205	310205	9	TRẦN THÁI	SƠN	Nam	01/06/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,50	3,50	2,00	
206	310206	9	TRẦN ĐOÀN	SỸ	Nam	16/12/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,00	5,00	3,25	
207	310207	9	NGUYỄN ĐỨC	TÀI	Nam	06/05/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,25	7,00	7,00	
208	310208	9	NGUYỄN LÊ THANH	TÀI	Nam	27/06/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,00	1,00	1,50	
209	310209	9	PHẠM THÀNH	TÀI	Nam	03/08/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,00	2,25	6,00	
210	310210	9	NGUYỄN THANH	TẢO	Nữ	26/01/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	6,25	3,50	4,00	
211	310211	9	VÔ LÊ	TÂM	Nam	05/06/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,75	2,50	4,25	
212	310212	9	NGUYỄN NHẬT	THÀNH	Nam	08/01/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,50	8,75	6,50	
213	310213	9	ĐẶNG TRƯỜNG	THÀNH	Nam	30/01/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,75	2,75	7,00	
214	310214	9	ĐẶNG VĂN	THÁI	Nam	10/11/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,00	3,75	7,50	
215	310215	9	TRẦN NGỌC	THẠCH	Nam	14/12/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,50	5,00	6,50	
216	310216	9	NGUYỄN THỊ	THẢO	Nữ	05/01/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,25	7,00	6,25	
217	310217	10	HỒ THỊ THANH	THẢO	Nữ	06/04/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,25	6,00	6,00	
218	310218	10	ĐẶNG THỊ THU	THẢO	Nữ	16/06/2004	THCS Ân Thạnh					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	6,25	6,00	7,25	
219	310219	10	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	Nữ	16/03/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,75	4,50	3,50	
220	310220	10	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	Nữ	04/10/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	7,00	8,50	6,25	
221	310221	10	TRẦN VI	THẢO	Nữ	12/06/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,75	4,25	4,50	
222	310222	10	PHAN ĐẠI	THẮNG	Nam	30/11/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,50	6,50	4,00	
223	310223	10	TRƯỜNG QUỐC	THẮNG	Nam	03/10/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,75	4,75	4,50	
224	310224	10	TRƯỜNG TOÀN	THẮNG	Nam	15/08/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,50	5,50	6,00	
225	310225	10	NGUYỄN VĂN	THẮNG	Nam	02/01/2004	THCS Ân Thạnh					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	1,50	4,00	2,25	
226	310226	10	LÊ THỊ ĐIỂM	THỊ	Nữ	15/12/2004	THCS Ân Đức					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,25	4,25	3,75	
227	310227	10	PHAN TRẦN ĐỨC	THIỆN	Nam	11/06/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,00	4,50	5,25	
228	310228	10	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	Nam	12/08/2004	THCS Tăng Bạt Hổ					THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	6,00	7,75	7,00	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	HS trường	Điểm UT	Thông tin ĐKDT chuyển				NV CL1	NV CL2	Điểm thi			
									ST	Ch.9	TB.9	L.ch			Văn	T. Anh	Toán	Chuyên
229	310229	10	HUỖNH THỊ KIM	THOA	Nữ	14/08/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,50	6,00	2,00	
230	310230	10	BÙI CÔNG	THOAI	Nam	19/11/2003	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	1,00	1,25	0,00	
231	310231	10	TRINH CÔNG	THÔNG	Nam	28/10/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	1,75	1,00	0,50	
232	310232	10	HỒ THỊ ANH	THƠ	Nữ	16/08/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	6,25	9,75	7,50	
233	310233	10	ĐOÀN THỊ BÍCH	THU	Nữ	20/12/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	6,75	8,50	7,50	
234	310234	10	NGUYỄN CÔNG	THUẬN	Nam	21/03/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,00	3,50	3,75	
235	310235	10	NGUYỄN HIẾU	THUẬN	Nam	01/01/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	1,25	6,25	2,50	
236	310236	10	HUỖNH PHƯƠNG	THÙY	Nữ	03/04/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	6,00	8,50	7,50	
237	310237	10	NGUYỄN ĐỖ THANH	THÚY	Nữ	23/02/2003	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,00	4,00	3,25	
238	310238	10	NGUYỄN NGỌC	THỦY	Nữ	27/08/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,50	3,75	5,75	
239	310239	10	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	Nữ	29/08/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,00	6,50	3,75	
240	310240	10	NGUYỄN HOÀI ANH	THƯ	Nữ	04/01/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	6,50	5,00	6,50	
241	310241	11	NGÔ PHẠM MINH	THƯ	Nữ	22/12/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,75	2,25	3,50	
242	310242	11	NGUYỄN NGỌC HOÀI	THƯƠNG	Nữ	23/03/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	6,75	6,50	6,25	
243	310243	11	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	Nữ	16/03/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,75	2,25	1,00	
244	310244	11	NGUYỄN THỊ HÀ	TIỀN	Nữ	25/10/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	6,00	3,50	3,00	
245	310245	11	ĐẶNG	TIN	Nam	20/08/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,75	5,25	2,00	
246	310246	11	NGUYỄN TRƯỞNG HOÀNG	TIN	Nam	27/09/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,50	7,75	4,75	
247	310247	11	VÕ ĐÌNH	TÍN	Nam	04/04/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,50	4,00	1,50	
248	310248	11	NGUYỄN TRỊNH	TÍN	Nam	28/06/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,00	2,00	0,75	
249	310249	11	VÕ HỒ XUÂN	TOÀN	Nam	22/06/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	7,25	8,75	5,50	
250	310250	11	PHẠM VĂN	TOÀN	Nam	21/11/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,75	3,50	0,75	
251	310251	11	LÊ XUÂN	TOÀN	Nam	06/07/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,00	1,25	1,25	
252	310252	11	ĐẶNG NGUYỄN BẢO	TRÂM	Nữ	11/12/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,75	4,50	4,50	
253	310253	11	PHAN THỊ QUẾ	TRẦN	Nữ	26/11/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,25	6,00	5,50	
254	310254	11	HUỖNH CÔNG	TRI	Nam	23/09/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	2,25	4,25	1,50	
255	310255	11	LÊ THỊ THÚY	TRIỀU	Nữ	13/06/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,25	4,75	3,00	
256	310256	11	LÊ THỊ	TRINH	Nữ	03/07/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,00	6,75	6,50	
257	310257	11	TRẦN THỊ PHƯƠNG	TRINH	Nữ	31/10/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	4,00	2,50	3,00	
258	310258	11	NGUYỄN MINH	TRÍ	Nam	25/04/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	5,75	6,00	6,50	
259	310259	11	HUỖNH THANH	TRÍ	Nam	17/02/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,50	2,00	4,00	
260	310260	11	HUỖNH THỨC	TRÍ	Nam	22/08/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,25	2,75	1,25	
261	310261	11	TRẦN QUỐC	TRI	Nam	10/08/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	0,50	1,25	0,50	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	HS trường	Điểm UT	Thông tin ĐKDT chuyên				NV CL1	NV CL2	Điểm thi			
								ST	Ch.9	TB.9	L.ch			Văn	T. Anh	Toán	Chuyên
262	310262	11	ĐÀO NGUYỄN TRỌNG	Nam	02/02/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	7,00	7,75	7,25	
263	310263	11	NGUYỄN MINH TRUNG	Nam	09/02/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,25	6,75	5,25	
264	310264	11	HUỲNH QUANG TRUNG	Nam	11/01/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,75	4,25	2,50	
265	310265	12	TRẦN QUỐC TRUNG	Nam	28/06/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,75	1,00	2,00	
266	310266	12	LÊ TRẦN THANH TRÚC	Nữ	18/10/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,25	6,75	4,50	
267	310267	12	NGUYỄN ĐĂNG TRƯỜNG	Nam	29/02/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,25	6,75	3,50	
268	310268	12	VÔ HỮU TRƯỜNG	Nam	13/02/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,25	3,25	5,00	
269	310269	12	VÔ PHƯỚC TRƯỜNG	Nam	19/09/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,75	2,25	5,75	
270	310270	12	TRẦN ANH TÙNG	Nam	27/09/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,00	9,00	5,50	
271	310271	12	TRƯƠNG QUANG TÙNG	Nam	30/06/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	1,75	6,25	4,50	
272	310272	12	NGUYỄN XUÂN TỬ	Nam	15/02/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,00	7,75	4,50	
273	310273	12	TÔ TỬ	Nam	22/07/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,00	7,50	3,00	
274	310274	12	NGUYỄN THỊ THANH TỶ	Nữ	07/09/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,50	9,00	6,50	
275	310275	12	DƯƠNG HUỲNH TỶ	Nam	30/07/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,75	4,50	7,25	
276	310276	12	HUỲNH THỊ NHÃ UYÊN	Nữ	25/11/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,25	8,00	6,00	
277	310277	12	NGUYỄN VĂN VÀNG	Nam	25/12/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,50	6,75	6,75	
278	310278	12	LÊ ANH VÂN	Nam	20/07/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,00	6,00	4,25	
279	310279	12	PHẠM LÊ VÂN	Nam	21/08/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,50	5,75	4,50	
280	310280	12	ĐỖ THÀNH VÂN	Nam	01/09/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,75	5,75	2,25	
281	310281	12	LÊ TIỂU VÂN	Nữ	05/09/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,00	5,25	2,00	
282	310282	12	PHAN HỒNG YẾN VI	Nữ	18/01/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	5,50	8,50	7,25	
283	310283	12	PHẠM THỊ TƯỜNG VI	Nữ	26/12/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,50	1,25	2,00	
284	310284	12	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	Nam	27/10/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,00	3,25	4,00	
285	310285	12	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Nam	31/03/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,75	6,25	3,00	
286	310286	12	PHÙNG LÊ THÀNH VĨ	Nam	06/02/2003	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,00	4,50	4,25	
287	310287	12	TRẦN ĐỖ XUÂN VŨ	Nam	19/01/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,50	6,25	5,00	
288	310288	12	NGUYỄN MINH VŨ	Nam	09/05/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,25	6,00	7,50	
289	310289	13	HUỲNH NHẬT VŨ	Nam	17/01/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,25	4,75	5,00	
290	310290	13	NGUYỄN TUẤN VŨ	Nam	09/11/2004	THCS Ân Thạnh						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,25	3,50	6,25	
291	310291	13	HUỲNH THỊ PHƯƠNG VY	Nữ	20/10/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	3,50	4,00	3,75	
292	310292	13	VÔ THỊ TIẾN VY	Nữ	07/02/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	7,50	7,00	6,00	
293	310293	13	TRẦN YẾN VY	Nữ	24/04/2004	THCS Tăng Bạt Hổ						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	4,75	6,50	5,50	
294	310294	13	NGÔ NGUYỄN HOÀNG XUÂN	Nam	07/03/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bỉnh	2,00	1,00	0,25	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	HS trường	Điểm UT	Thông tin ĐKDT chuyên				NV CL1	NV CL2	Điểm thi			
								ST	Ch.9	TB.9	L.ch			Văn	T. Anh	Toán	Chuyên
295	310295	13	PHẠM HOÀNG YẾN	Nữ	19/04/2004	THCS Ân Đức						THPT Hoài Ân	THPT Nguyễn Bình	3,50	5,00	1,25	

NGƯỜI IN BẢNG ĐIỂM
(Họ tên và ký)

Trần Xuân Hoàng

NGƯỜI ĐỌC SOÁT BẢN IN
(Họ tên và ký)

Bùi Quốc Anh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Nguyễn Đình Hùng

ĐUYỆT CỦA SỞ GD&ĐT
Ngày 12 tháng 6 năm 2019
GIÁM ĐỐC

Đào Đức Tuấn

